TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:95/2023/DS-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần;
- Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Lê Thanh Miện

2- Ông Bùi Thế Hanh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Duy- Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023. Về việc "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95a/2023/QĐXX -DS ngày 15/07/2023; Quyết định hoãn phiên tòa 116/2023/QĐST-HPT ngày 04/08/2023.

* ***Nguyên đơn***: Ông Đồng Văn D, sinh năm 1970 và bà Phạm Thi L, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Hợp Th, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

** Người đại diện theo uỷ quyền của ông Dũng, bà Liễu:*

+ Ông Vũ Văn X, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu Phương Vỹ, phường Vũ N, thành phố Bắc N, tỉnh Bắc N

+ Ông Trần Tuấn L, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khu 2, phường Suối Hoa, thành phố Bắc N, tỉnh Bắc N.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Dõng, xã Hương G, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

+ Bà Nguyễn Thuỳ D, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn Trạm Trai, xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, thành phố Bắc N, tỉnh Bắc N.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* ***Bị đơn***: Bà Ngô Thị Th, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Ông Hoàng Ngọc Th, sinh năm 1968(Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm Gia Cao, thôn Cẩm Trang, xã Mai Tr, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/01/2023; bản tự khai; Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ; biên bản hòa giải nguyên đơn ông Dũng; Bà Liễu; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông và vợ chồng anh Thắm, chị Thân là chỗ quen biết. Vợ chồng ông có cửa hàng bán thức ăn chăn nuôi, vợ chồng anh Thắm; chị Thân đến mua cám về chăn nuôi nhiều lần, có lần thì thanh toán ngay, có lần thì chưa thanh toán. Những lần vợ chồng anh Thắm; chị Thân chưa thanh toán tiền thì vợ chồng ông đều ghi sổ sách theo dõi đầy đủ. Vợ chồng ông và ông Thắm bà Thân đã chốt nợ với nhau. Tổng số tiền chốt nợ là 35.885.000 đồng. anh Thắm là người ký chốt nợ . Vợ chồng ông đã đòi vợ chồng anh Thắm, chị Thân nhiều lần, vợ chồng anh Thắm, chị Thân đã trả được một phần nợ và chốt nợ đến ngày 07/7/2017 còn nợ số tiền gốc là 12.385.000 đồng từ đó đến nay vợ chồng ông đến gia đình anh Thắm đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh cứ khất không trả. Do vậy vợ chồng ông đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa yêu cầu vợ chồng anh Thắm, chị Thân phải trả số tiền nợ mua cám chăn nuôi là 12.385.000 đồng và yêu cầu Vợ chồng anh Thắm, chị Thân phải trả số tiền lãi là 10%/năm tính từ ngày 07/7/2017 (Dương lịch) cho đến ngày xét xử tính tròn là 73 tháng = 7.534.000 đồng.

Tổng số tiền ông yêu cầu anh Thắm, chị Thân phải trả là 19.919.000 đồng trong đó (tiền gốc là 12.385.000 đồng;Tiền lãi là 7.534.000 đồng).

Tại biên bản đối chất; biên bản gi lời khai của nguyên đơn ông Đồng Văn D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định xin rút đối với yêu cầu đòi lãi suất đối với anh Thắm và chị Thân chỉ yêu cầu đòi số tiền nợ gốc là 12.385.000 đồng.

Do điều kiện công việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt khi xét xử.

Bị đơn ông Hoàng Văn Thắm tại biên bản ghi lời khai ngày 10/4/2023 trình bày: Vợ chồng anh và gia đình ông Dũng, bà Liễu có mối quan hệ quen biết nhau. Gia đình ông Dũng, bà Liễu buôn bán thức ăn chăn nuôi nên gia đình anh có mua cám của gia đình ông Dũng, bà Liễu về để chăn nuôi từ năm 2011 gia đình anh có mua nhiều lần, có lần bà thanh toán, có lần chưa thành toán. Giữa vợ chồng anh và ông Dũng, bà Liễu có chốt nợ với nhau thì gia đình anh, chị còn nợ ông Dũng, bà Liễu tổng số tiền là 35.885.000 đồng, do điều kiện chăn nuôi thua lỗ vợ chồng anh chưa thanh toán trả được hết số tiền trên, vợ chồng ông đã thanh toán trả được một phần số tiền trên, tính đến ngày 07/7/2017 vợ chồng anh còn nợ 12.385.000 đồng như trong sổ theo dõi mà nguyên đơn đã cung cấp là đúng. Tuy nhiên sau đó vợ chồng anh đã trả tiếp cho vợ chồng ông Dũng bà Liễu được thêm 7.000.000 đồng, anh không nhớ ngày tháng năm trả, không có biên bản giấy tờ gì, không có ai làm chứng, anh xác định chỉ còn nợ nợ chồng ông Dũng 5.385.000 đồng tiền cám.

Vợ chồng ông Dũng yêu cầu vợ chồng anh trả 12.385.000 đồng thì anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 5.385.000 đồng.

Về yêu cầu tiền lãi anh không đồng ý yêu cầu trả lãi vì khi mua cám đã tính lãi rồi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thân trình bày: bà là vợ của anh Hoàng Văn Thắm việc mua cám về chăn nuôi tại cửa hàng cám của gia đình ông Dũng và bà Liễu chủ yếu là do chồng chị mua, việc ký kết, sổ sách mua bán chị không nắm được, số tiền

hiện còn nợ bao nhiêu chị không nắm được.

Vợ chồng ông Dũng yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền nợ 12.385.000 đồng gốc và tiền lãi thì bà đồng ý trả trong trường hợp số nợ đó là đúng.

Do điều kiện công việc chị có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến; về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 430; Điều 431, Điều 433; Điều 440; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn D và bà Phạm Thị Liễu.

Buộc anh Hoàng Văn Thắm và chị Nguyễn Thị Thân phải trả cho ông Đồng Văn D và bà Phạm Thị Liễu tổng số tiền còn nợ gốc là 12.385.000 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu đòi lãi suất của nguyên đơn

2. Về án phí: anh Hoàng Văn Thắm và chị Nguyễn Thị Thân phải có nghĩa vụ liên đới chịu 619.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Dũng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]- Về tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt khi xét xử; Bị đơn anh chị Nguyễn Thị Thân có đơn xin vắng mặt khi xét xử. Bị đơn anh Hoàng Văn Thắm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự, để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn anh Hoàng Văn Thắm và chị Nguyễn Thị Thân đã được triệu tập và thông báo về phiên hòa giải hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải nên không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Về phiên họp: Tòa án đã tống đạt hợp lệ phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ tại phiên họp, Bị đơn vắng mặt Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ vắng mặt đương sự đối với bị đơn anh Hoàng Văn Thắm và chị Nguyễn Thị Thân là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2.1. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Hoàng Văn Thắm và chị Nguyễn Thị Thân phải trả số tiền còn nợ mua cám chăn nuôi số tiền còn nợ là gốc là 12.385.000 đồng. Các bên khi mua bán hàng hóa, tuy không làm hợp đồng mua bán, nhưng có thỏa thuận với nhau về việc mua bán và đã chốt nợ với nhau đối với số tiền còn nợ. Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết, nên xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*. Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

2.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện vụ án của nguyên đơn: Các đương sự không ai có ý kiến xem xét về thời hiệu.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: yêu cầu bị đơn anh Thắm, chị Thân phải trả số tiền còn nợ mua cám còn nợ là gốc là 12.385.000 đồng.

HĐXX thấy rằng: Qua các lời khai của đương sự nguyên đơn; đại diện theo ủy quyền cảu nguyên đơn; bị đơn và các tài liệu chứng cứ thể hiện giữa các bên có chốt nợ với nhau tiền mua cám, số tiền mua cám còn nợ tính đến ngày 07/7/2017 nợ tiền gốc là 12.385.000 đồng là có thật.

Bị đơn thừa nhận có chốt nợ và còn nợ số tiền 12.385.000 đồng, tuy nhiên sau thời điểm chốt nợ bị đơn (anhThắm) đã trả thêm được 7.000.000 đồng khi trả không có văn bản giấy tờ gì, không có ai chứng kiến và không nhớ ngày tháng năm. Tòa án đã tiến hành đối chất giữa các đương sự kết quả các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày của mình.

HĐXX xét xử nhận thấy bị đơn không đưa ra được căn cứ, giấy tờ gì chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ, nên ý kiến trình bày của bị đơn là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Do vậy yêu cầu khởi kiện của ông Dũng và bà Liễu yêu cầu bị đơn anh Thắm, chị Thân phải trả số tiền còn nợ mua cám còn nợ 12.385.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

[5]- Ông Dũng (Nguyên đơn) rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu đối với số tiền lãi. Xét thấy việc rút yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện nên cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6]- Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Dũng và bà Liễu không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Dũng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với Thẩm phán,Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án và việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[7]- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 430; Điều 431, Điều 433; Khoản 3 Điều 440; khoản 1 Điều 357; Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn D và bà Phạm Thị Liễu.

Buộc anh Hoàng Văn Thắm và chị Nguyễn Thị Thân phải có nghĩa vụ trả cho ông Đồng Văn D và bà Phạm Thị Liễu tổng số tiền còn nợ gốc là 12.385.000 đồng (Mươi hai triệu ba trăm tám mươi năm nghìn đồng).

2. Về án phí: anh Hoàng Văn Thắm và chị Nguyễn Thị Thân phải có nghĩa vụ liên đới chịu 619.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Đồng Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 475.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002551 ngày 15/3/2023 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Thanh Thuần